

**QUYẾT ĐỊNH  
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:*

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Thu Chinh**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dung**

**Bà Vũ Thị Hương**

Thư ký phiên họp: **Bà Trịnh Ngọc Hân**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:  
**Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 92/2021/TLST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2021 về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Quyết định mở phiên họp số 3377 /2021/QĐ-MPH ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa:

*Người yêu cầu:* **Công ty TNHH A**

Địa chỉ: Số 16 đường T, Phường T1, Thành phố T2, Tỉnh Lâm Đồng .

Là bị đơn trong phán quyết trọng tài

Đại diện hợp pháp: ông Võ Hồng Q là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 07/2021/GUQ ngày 21/10/2021) ( Có mặt).

*Người có liên quan:* **Công ty Cổ phần XL và VTXD B**

Địa chỉ: Số 6/14 đường N, Phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là nguyên đơn trong phán quyết trọng tài.

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh H và bà Đào Huỳnh Q, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 09/2021/GUQ ngày 21/10/2021) ( Có mặt).

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Công ty TNHH A đối với phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 04/2021/PQ-TT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương Mại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Tracent) giải quyết vụ tranh chấp số 04/2020-HSTL- TRACENT giữa Công ty Cổ phần XL và VTXD B và Công ty TNHH A ;

**Nội dung tranh chấp:** Ngày 05/12/2016, Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty Cổ phần XL và VTXD B (gọi tắt là CÔNG TY B) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 11/2016/XL2 và đến ngày 18/02/2017, hai bên ký thêm Phụ lục Hợp đồng về việc thi công phần hoàn thiện (gọi chung là Hợp đồng). Tổng giá trị Hợp đồng là 19.590.779.262 đồng. Trong quá trình thực hiện Công ty A cho rằng CÔNG TY B thi công không đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình nên ngày 18/07/2017, Công ty A yêu cầu CÔNG TY B tạm dừng thực hiện việc thi công theo Hợp đồng để tìm phương án khắc phục. Đến ngày 20/09/2017, Công ty A gửi cho

CÔNG TY B công văn số 200917/TB Thông báo đơn phương chấm dứt Hợp Đồng với lý do CÔNG TY B thi công chậm tiến độ và không đạt chất lượng.

Ngày 22/12/2017, CÔNG TY B khởi kiện Công ty A tại Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, yêu cầu thanh toán tiền đối với khối lượng công việc đã thực hiện nhưng chưa thanh toán. Ngày 24/12/2019 TAND Thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án do các bên đã có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định phúc thẩm số 01/2020 ngày 23/3/2020 của TAND Tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định đình chỉ của TAND Thành phố Đà Lạt.

Ngày 22/6/2020, CÔNG TY B nộp đơn khởi kiện Công ty A tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Tracent), yêu cầu Công ty A phải trả cho CÔNG TY B các khoản tiền: Phần giá trị khối lượng công việc chưa thanh toán là 4.778.890.130 đồng. Số tiền bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng là 3.585.530.516 đồng và Tiền lãi chậm trả là 2.699.759.990 đồng. Ngày 09/9/2020, Công ty A có đơn yêu cầu kiện lại yêu cầu CÔNG TY B thanh toán 1.500.000.000 đồng tiền phạt vi phạm tương đương với 50 ngày chậm tiến độ hoàn thành công trình.

**Nội dung phán quyết trọng tài:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY B và chấp nhận một phần yêu cầu kiện lại của Công ty A. Buộc Công ty A trả cho CÔNG TY B số tiền là 7.571.737.937 đồng. Buộc CÔNG TY B trả cho Công ty A số tiền là 1.200.000.000 đồng. Cấn trừ qua lại hai khoản trên, buộc Công ty A phải trả cho CÔNG TY B số tiền là 6.371.737.937 đồng.

**Nội dung yêu cầu và căn cứ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài:** Công ty A yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 04/2021/PQ-TT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh với các lý do: Thủ tục tổ tụng trọng tài trái với các qui định của Luật Trọng tài thương mại và phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (vi phạm điểm b và đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại), cụ thể là vi phạm tại các điểm như sau:

- 1- Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp khi đã hết thời hiệu khởi kiện;
- 2- Vượt quá phạm vi thẩm quyền xét xử của Hội Đồng Trọng Tài;
- 3- Hội đồng trọng tài đã sử dụng tài liệu không có giá trị để làm chứng cứ đưa ra kết luận trong phán quyết;
- 4- Hội đồng trọng tài Vi phạm nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận của các bên trong quá trình xét xử và Vi phạm nguyên tắc công bằng, tạo điều kiện cho các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại 2010 khi không đưa ra các giải thích đầy đủ về các quyền của Công ty A, dẫn đến Công ty A không được đảm bảo các quyền của mình theo luật định trong phán quyết của Trọng tài. Do đó phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt nam ,vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp:** Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài với lý do Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tổ tụng trọng tài do đã hết thời hiệu khởi kiện nêu trong đơn yêu cầu của Công ty TNHH A và lời trình bày tại phiên họp của người yêu cầu là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét đơn yêu cầu áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại, chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty TNHH A vì không còn thời hiệu khởi kiện tại Trọng tài;

**Xét thấy:**

**1. Về thẩm quyền giải quyết:**

Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm o khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và điểm g Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Về thời hiệu nộp đơn yêu cầu:** Ngày 27/5/2021 là ngày ban hành phán quyết trọng tài số 04/2021/PQ-TT. Ngày 18/6/2021, Công ty TNHH A nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hiệu xem xét giải quyết (30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài) theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại nên được chấp nhận.

**3. Về nội dung yêu cầu:**

Xét các lý do trong đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài ngày 18/6/2021 của Người yêu cầu là Công ty TNHH A, căn cứ các tài liệu chứng cứ đính kèm tại đơn yêu cầu và lời trình bày của các bên tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

3.1 : Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài xác định không đúng Thời hiệu khởi kiện trọng tài nhận thấy :

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa CÔNG TY B và Công ty A là Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng được ký kết giữa hai pháp nhân và đều có mục đích lợi nhuận nên việc Hội đồng trọng tài xác định luật chuyên ngành về nội dung để giải quyết tranh chấp là Luật xây dựng và luật tố tụng để giải quyết là Luật Trọng tài Thương mại 2010 và Quy tắc tố tụng của Tracent là chính xác.

Tại Điều 33 Luật Trọng tài Thương mại 2010 và Điều 11 Quy tắc tố tụng của Tracent đều qui định về vấn đề Thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài như sau: “ *Trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm*” . Hội đồng xét đơn nhận thấy khi giải quyết tranh chấp giữa Công ty A và CÔNG TY B phải áp dụng Luật chuyên ngành về nội dung là Luật Xây dựng, nhưng trong Luật Xây dựng không có điều khoản nào quy định về vấn đề thời hiệu khởi kiện liên quan đến các tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng, nên cần phải áp dụng Luật tố tụng xác định thời hiệu khởi kiện của vụ kiện tại Trọng tài là 02 năm như phần trình bày của người yêu cầu và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp là có cơ sở vì phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Trọng tài

Thương mại và Điều 11 Quy tắc tố tụng của Tracent. Do các bên đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thì khi khởi kiện tại trọng tài các bên phải tuân thủ các qui định tố tụng của Trọng tài chứ không thể áp dụng qui định tại Khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (qui định thời hiệu khởi kiện tại Tòa án) để áp dụng. Do đó việc CÔNG TY B và Hội đồng trọng tài lập luận cho rằng do Luật chuyên ngành là Luật Xây dựng không có qui định về thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng xây dựng, nên căn cứ Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng, khoản 1 Điều 2 Nghị định 37/NĐ-CP và quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ áp dụng quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015, là Bộ luật ban hành sau Luật Thương Mại 2005 để xác định thời hiệu khởi kiện tại trọng tài là 03 năm là không đúng với quy định tại Điều 33 Luật Trọng tài Thương mại và Điều 11 Quy tắc tố tụng của Tracent.

Nhận thấy: Khi phát sinh tranh chấp, CÔNG TY B và Công ty A đã tự nguyện thỏa thuận tại Điều 22.2 của Hợp Đồng nếu phát sinh tranh chấp thì cơ quan giải quyết tranh chấp là Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Tracent) nhưng CÔNG TY B lại khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt để yêu cầu giải quyết tranh chấp là không đúng với thỏa thuận của các bên, việc nguyên đơn CÔNG TY B tự ý nộp đơn khởi kiện vụ việc đến Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt (trong khi tại hợp đồng ký kết các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài) là hành vi chủ quan của CÔNG TY B chứ không phải là Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho CÔNG TY B không thể khởi kiện Công ty A tại Tracent theo lựa chọn tại Hợp đồng như lời trình bày của CÔNG TY B. Mặt khác trong thời gian khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, bất kỳ thời điểm nào (theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 qui định về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự) thì nguyên đơn là CÔNG TY B vẫn có thể thực hiện được quyền dân sự của nguyên đơn về việc rút đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt ra quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án để nộp đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan giải quyết tranh chấp theo như nội dung hợp đồng đã thỏa thuận nhưng CÔNG TY B không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét đơn nhận thấy nhận định của Hội đồng trọng tài chấp nhận lời trình bày của CÔNG TY B cho rằng dù thời hiệu khởi kiện tại Trọng tài là 2 năm thì vụ kiện vẫn còn thời hiệu do thời gian CÔNG TY B khởi kiện Công ty A tại Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt không tính vào thời hiệu khởi kiện do đây là trở ngại khách quan là không có cơ sở vì việc CÔNG TY B khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt không được coi là thời gian không tính vào thời hiệu theo quy định của luật tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên họp các đương sự trình bày thời điểm các bên đều biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm là ngày 20/9/2017, khi CÔNG TY B nhận được Thông báo số 200917/TB ngày 20/9/2017 của Công ty A yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng, do đó các bên đều thống nhất xác định ngày 20/9/2017 là thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện, đến ngày 22/6/2020 CÔNG TY B mới nộp đơn khởi kiện Công ty A tại Tracent là đã hết thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo quy định

tại Điều 33 Luật Trọng tài Thương mại và Điều 11 Quy tắc tố tụng của Tracent. Do đó Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 04/2021/PQ-TT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương Mại Thành phố Hồ Chí Minh đã vi phạm quy định tại Điều 33 Luật Trọng tài Thương mại và Điều 11 Quy tắc tố tụng của Tracent nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty A do “...*thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các qui định của luật này*” theo qui định tại điểm b Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại.

3.2 Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài đã sai lầm nghiêm trọng khi chấp nhận xét xử cũng như đưa ra phán quyết đối với yêu cầu của Nguyên đơn về khoản tiền Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo các cam kết bảo lãnh đưa ra với Công ty A. Hội đồng xét đơn nhận thấy lý do này của Công ty A không có cơ sở chấp nhận vì: nguyên đơn CÔNG TY B yêu cầu Công ty A thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng phát sinh theo Điều 4 của hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, CÔNG TY B không yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ gì và Hội đồng trọng tài cũng không phán quyết gì liên quan đến Ngân hàng về nghiệp vụ thực hiện theo thư bảo lãnh của ngân hàng. Yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng trọng tài, do đó việc người yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài giải quyết vượt quá phạm vi của thỏa thuận đưa ra Trọng tài giải quyết là không có căn cứ. Mặt khác việc Hội đồng trọng tài chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty A phải hoàn trả số tiền Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho CÔNG TY B là những vấn đề thuộc nội dung vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài mà Hội đồng trọng tài đã xem xét giải quyết, căn cứ qui định tại Khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại, Hội đồng xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết.

3.3 Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài sử dụng Bản kết quả giám định của Trung tâm Kiểm định – Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng thực hiện theo yêu cầu của TAND Thành phố Đà Lạt trong quá trình giải quyết vụ án giữa CÔNG TY B và Công ty A tại TAND Thành phố Đà Lạt làm căn cứ để ra phán quyết là hành vi sử dụng chứng cứ không hợp pháp để giải quyết vụ án. Xét căn cứ Điều 46 Luật Trọng tài thì Hội đồng trọng tài có quyền thu thập chứng cứ để giải quyết tranh chấp, mặt khác tại phiên họp Công ty A không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh Bản kết quả giám định của Trung tâm Kiểm định – Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng do nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng trọng tài mà Hội đồng trọng tài sử dụng làm chứng cứ là chứng cứ giả mạo mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết theo qui định tại điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài, nên không có cơ sở để chấp nhận lý do nêu trên của Công ty A.

3.4 Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài không xem xét thỏa thuận tại Điều 17 của Hợp đồng với nội dung chủ đầu tư là Công ty A có quyền thu lại từ nhà thầu các chi phí sửa chữa và các chi phí khác trước khi thanh toán khoản tiền còn lại, không yêu cầu Công ty A phải bổ sung yêu cầu kiện lại là đã vi phạm nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận của các bên để cho rằng phán quyết đã vi phạm nguyên tắc cơ

bản của pháp luật Việt Nam. Nhận thấy việc Hội đồng trọng tài giải quyết đúng hay sai về nội dung của vụ việc mà hai bên có tranh chấp và đã yêu cầu trọng tài giải quyết không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án khi xét đơn yêu cầu Hủy phán quyết trọng tài. Điều này được qui định rõ tại Khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại.

Sau khi xem xét phán quyết trọng tài, lời trình bày của các bên tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận thấy không có cơ sở để cho rằng phán quyết trọng tài đã ban hành phán quyết trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam như lời trình bày của người yêu cầu là Công ty A.

Từ những phân tích trên, nhận thấy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 04/2021/PQ-TT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương Mại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vào một trong các trường hợp phán quyết trọng tài bị hủy do thủ tục tố tụng trọng tài trái với các qui định của Luật trọng tài theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (như đã phân tích tại mục 3.1 nêu trên), nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của người yêu cầu là Công ty TNHH A.

***Vì các lẽ trên,***

Áp dụng các Điều 414, 415 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 68, 71 và 72 của Luật Trọng tài Thương mại năm 2010;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 04/2021/PQ-TT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Thương Mại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ tranh chấp giữa:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần XL và VTXD B**

Địa chỉ: Số 6/14 đường N, Phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Công ty TNHH A**

Địa chỉ: Số 16 đường T1, Phường T2, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TRACENT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Chinh**

